BÀI TẬP NGỮ ÂM TIẾNG ANH

Chủ đề: Nhận diện Nguyên âm đơn (Monophthongs) qua Phiên âm IPA

Họ và tên:	**Lớp:** ..... **Điểm:** .....

ĐỀ BÀI: Cho 20 từ vựng dưới dạng phiên âm quốc tế (IPA). Em hãy tìm và điền tất cả các **nguyên âm đơn (monophthongs)** xuất hiện trong mỗi từ vào cột tương ứng.

Ghi nhớ: *Nguyên âm đơn gồm nguyên âm ngắn (/ɪ, e, æ, ʌ, ɒ, ʊ, ə/) và nguyên âm dài (/iː, ɑː, ɔː, uː, ɜː/). Không tính các nguyên âm đôi (/eɪ, aɪ, ɔɪ, aʊ, əʊ, ɪə, eə, ʊə/). Nếu từ chỉ có nguyên âm đôi, hãy ghi "Không có".*

STT	Phiên âm IPA	Từ vựng	Nguyên âm đơn tìm được
1	**/bɪˈkʌm/**	become	
2	**/ˈæpl/**	apple	
3	**/stɑːt/**	start	
4	**/fʊt/**	foot	
5	**/siː/**	see	
6	**/bɜːd/**	bird	
7	**/pɒt/**	pot	
8	**/teɪk/**	take	
9	**/fɪʃ/**	fish	
10	**/mʌni/**	money	

LIVEWORKSHEETS

11	/kɑ:r/	car	
12	/ʃʊd/	should	
13	/bʊk/	book	
14	/mi:t/	meat	
15	/hæt/	hat	
16	/lɪstən/	listen	
17	/tʃeɪndʒ/	change	
18	/fɔ:st/	forced	
19	/wɜ:ld/	world	
20	/dɒg/	dog	

LIVEWORKSHEETS

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

STT	Phiên âm IPA	Từ vựng	Đáp án nguyên âm đơn
1	/bɪˈkʌm/	become	/ɪ/, /ʌ/
2	/ˈæpl/	apple	/æ/, /ə/
3	/stɑːt/	start	/ɑː/
4	/fʊt/	foot	/ʊ/
5	/siː/	see	/iː/
6	/bɜːd/	bird	/ɜː/
7	/pɒt/	pot	/ɒ/
8	/teɪk/	take	Không có (chứa nguyên âm đôi /eɪ/)
9	/fɪʃ/	fish	/ɪ/
10	/mʌni/	money	/ʌ/, /i/ (hoặc /ɪ/)
11	/kɑːr/	car	/ɑː/, /ə/
12	/ʃʊd/	should	/ʊ/
13	/bʊk/	book	/ʊ/
14	/miːt/	meat	/iː/
15	/hæt/	hat	/æ/
16	/lɪstən/	listen	/ɪ/, /ə/

LIVEWORKSHEETS

17	/tʃeɪndʒ/	change	**Không có (chứa nguyên âm đôi /eɪ/)**
18	/fɔːst/	forced	**/ɔː/**
19	/wɜːld/	world	**/ɜː/**
20	/dɒg/	dog	**/ɒ/**

LIVEWORKSHEETS